MSSV: 22521329	BÁO CÁO BÀI TÂP THỰC
Họ và tên: Nguyễn Cao Thắng	HÀNH MÔN QUẢN LÝ THÔNG
Lớp: IE103.O22.2	TIN TUẦN 5

Câu 1: Viết lệnh Xpath lấy Sinh viên có ID=10. Lệnh lấy sinh viên ở vị trí cuối cùng ở trường CNTT.

```
select ChiTietSV.query('//sinhvien[@ID = 10]')
from QuanLySV
select ChiTietSV.query('/THONGTINSV/sinhvien[last()]')
from QuanLySV
where TenDH = 'DH CNTT'
Câu 2: Viết lệnh Xpath lấy tên Sinh viên có ID=10 trong trường Đại học CNTT.
Gợi ý: dùng hàm value() thay cho query().
select ChiTietSV.value('(/THONGTINSV/sinhvien[@ID =
10]/@Ten)[1]','varchar(10)')
from QuanLySV
where TenDH = 'DH CNTT'
Câu 3: Viết lênh trả về tất cả các nút từ nút gốc là THONGTINSV.
select ChiTietSV.query('/THONGTINSV/*')
from QuanLySV
Câu 4: Viết lệnh Xquery trả về danh sách sinh viên có ID < 12 với MSDH = 1.
select ChiTietSV.query('for $i in //sinhvien let $j := $i
where (\frac{j}{MID} < 12)
return $j')
from QuanLySV
where MSDH = 1
```

Câu 5: Viết lệnh Xquery trả về danh sách sinh viên sắp xếp theo tên với MSDH=2.

```
select ChiTietSV.query('for $i in //sinhvien
order by ($i/@Ten) ascending
return $i')
from QuanLySV
where MSDH = 2
Câu 6: Viết lệnh Xquery trả về MSDH và TenDH theo định dạng sau:
<QuanLySV>
<ChiTietSV>1 DH CNTT</ChiTietSV>
</QuanLySV>
select ChiTietSV.query('
    <QuanLySV>
         <ChiTietSV>
             {sql:column("MSDH"), sql:column("TenDH")}
         </ChiTietSV>
    </QuanLySV>')
from QuanLySV
where TenDH = 'DH CNTT'
Câu 7: Viết lệnh Xquery xóa tên các sinh viên trường DH KHTN.
Gơi ý: Dùng lênh modify() thay cho query(). Sử dung câu truy vấn SQL để cập nhật dữ
liêu.
update QuanLySV
set ChiTietSV.modify('delete(/THONGTINSV/sinhvien/@Ten)')
where TenDH = 'DH KHTN'
Câu 8: Viết lệnh Xquery trả về thông tin các sinh viên có tên là 'Nam' hoặc 'Thanh'.
select ChiTietSV.query('for $i in /THONGTINSV/sinhvien
where ($i/@Ten) = "Thanh" or <math>($i/@Ten) = "Nam"
```

```
return $i')
from QuanLySV
Câu 9: Viết lệnh Xquery thay đổi tên sinh viên thứ 2 thành tên 'Binh' trong trường CNTT.
Gọi ý: dùng lệnh 'replace value of <XPath> with "new value" ' trong hàm modify()
update QuanLySV
set ChiTietSV.modify('replace value of
(/THONGTINSV/sinhvien/@Ten)[2] with "Binh"')
where TenDH = 'DH CNTT'
Câu 10: Viết lệnh Xquery kiểm tra xem có tồn tại sinh viên có ID là 12 trong trường KHTN
không? (Nếu có trả về 1, nếu không thì trả về 0).
Gợi ý: Dùng lệnh exist() thay cho query().
select ChiTietSV.exist('for $i in /THONGTINSV/sinhvien
where ($i/@ID) = 12
return $i')
from QuanLySV
where TenDH = 'DH KHTN'
Câu 11: Thêm môn học có ID = 13 vào đối tượng sinh viên có ID = 10 của trường đại học
Công nghệ thông tin.
Gợi ý: dùng lệnh insert('<dữ liệu xml'>) into (<tên node>) trong hàm modify()
update QuanLySV
set ChiTietSV.modify('insert <monhoc ID="13" /> into
(/THONGTINSV/sinhvien[@ID="10"])[1]')
where MSDH = 1
Câu 12: Thêm thuộc tính tên môn học là "Quản lý thông tin" cho môn học có ID = 13 vào
đối tương sinh viên có ID = 10 của trường đai học Công nghệ thông tin.
update QuanLySV
```

```
set ChiTietSV.modify('insert <monhoc ID="13" Ten="Quản lý thông
tin" /> into (/THONGTINSV/sinhvien[@ID="10"])[1]')
where MSDH = 1
Câu 13*: Viết lệnh Xquery kiểm tra xem có tồn tại sinh viên tên 'Lan' trong trường
CNTTkhông? (Nếu có trả về 1, nếu không thì trả về 0). Và INSERT thêm vào
THONGTINSV:
Gọi ý: dùng lệnh insert('<dữ liệu xml'>) after (<tên node>) trong hàm modify()
declare @temp INT
select @temp = ChiTietSV.exist('for $i in /THONGTINSV/sinhvien
where ($i/@Ten) = "Lan"
return $i')
from QuanLySV
where MSDH = 1
if @temp = 0
```

begin
 update QuanLySV
 set ChiTietSV.modify('insert <sinhvien ID="15" Ten="Lan">
 <monhoc ID="10" Ten="Toan Roi Rac" />
 <monhoc ID="11" Ten="Lap Trinh C#" />
 <monhoc ID="10" Ten="CSDL Nang Cao" />
 </sinhvien> into (/THONGTINSV)[1]')
 where MSDH = 1

end